

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ BẮC NINH  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
-----

-----  
Bản án số: 112/2020/HSST

Ngày 30/6/2020

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH, TỈNH BẮC NINH**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H.

Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Quang H; bà Nguyễn Thị L.

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Vũ Minh T - Thư ký Tòa án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh tham gia phiên tòa:***

Ông Trần Mạnh H - Kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 30/6/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 90/2020/TLST-HS ngày 08/5/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/QĐXXST-HS ngày 15/6/2020 đối với bị cáo:

**Nguyễn Văn D, sinh năm 1980.**

Nơi ĐKKTT: Khu C, phường C, thành phố C, tỉnh H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 06/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1952 và bà Trần Thị T, sinh năm 1952; Vợ, con: chưa có.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tháng 8/2002 bị Tòa án nhân dân thị xã M, tỉnh Q xử phạt 30 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy".

Tại bản án số 102/HSPT ngày 11/8/2006 bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 30 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản". Ngày 09/11/2008 chấp hành xong hình phạt tù, đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020 đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh B, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1987; HKTT: Xã P, huyện Lương T tỉnh B; Chỗ ở: Số 179, đường T, phường T, thành phố B, xin vắng mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh Trần Trọng T, sinh năm 1983; Trú tại: Số 76 đường Lê Thanh N, khu C, phường C, thành phố C, tỉnh H, xin vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong ngày 09/02/2020 tại số nhà 179 đường T, phường T, thành phố B, Nguyễn Văn D đã thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn L, cụ thể như sau: Lần thứ nhất, khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/02/2020 D đã dùng cờ lê cạy khóa cửa phòng trọ trộm cắp của anh L chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đỏ đen không biển kiểm soát (xe đã qua sử dụng) trị giá 3.000.000đ, sau khi lấy được D đi xe đạp điện đến để ở vỉa hè gần Công ty may V;

Lần thứ hai, khoảng 09 giờ ngày 09/02/2020 D đột nhập vào phòng trọ của anh L trộm cắp 06 túi đeo ký hiệu TX 07 trị giá 450.000đ; 03 túi đeo chéo ký hiệu TX 08 trị giá 810.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 14 trị giá 440.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 25 trị giá 560.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 26 trị giá 240.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 12 trị giá 540.000đ; 01 túi đeo chéo ký hiệu TX 15 trị giá 270.000đ; 02 túi xách ký hiệu TX 16 trị giá 540.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 05 trị giá 250.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 01 trị giá 250.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 06 trị giá 280.000đ; 02 ba lô nữ trị giá 540.000đ; 15 ví nữ trị giá 825.000đ; 01 áo khoác trẻ em trị giá 160.000đ; 02 váy người lớn trị giá 420.000đ. Trị giá số tài sản trên là 6.855.000đ. D dùng xe mô tô không có biển kiểm soát của D chở hai thùng cat tông về nhà D tại khu C, phường C, thành phố C, tỉnh H cất giấu.

Nguyễn Văn D tự nguyện giao nộp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, không biển kiểm soát và 01 chìa khóa xe mô tô.

Anh Nguyễn Văn L giao nộp 01 ổ khóa cửa bằng kim loại bị vỡ tại phần chốt khóa.

Tại bản kết luận định giá tài sản trong tổ tụng hình sự số 17/KL- HĐ, ngày 27/02/2020 của Hội đồng định giá tài sản - Ủy ban nhân dân thành phố B kết luận: chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đỏ đen không biển kiểm soát (xe đã qua sử dụng) trị giá 3.000.000đ; 06 túi đeo ký hiệu TX 07 trị giá 450.000đ; 03 túi đeo chéo ký hiệu TX 08 trị giá 810.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 14 trị giá 440.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 25 trị giá 560.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 26 trị giá 240.000đ; 02 túi đeo chéo ký hiệu TX 12 trị giá 540.000đ; 01 túi đeo chéo ký hiệu TX 15 trị giá 270.000đ; 02 túi xách ký hiệu TX 16 trị giá 540.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 05 trị giá 250.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 01 trị giá 250.000đ; 01 túi xách ký hiệu TX 06 trị giá 280.000đ; 02 ba lô nữ trị giá 540.000đ; 15 ví nữ trị giá 825.000đ; 01 áo khoác trẻ em trị giá 160.000đ; 02 váy người lớn trị giá 420.000đ. Tổng giá trị các tài sản trên là 9.855.000đ.

Cáo trạng số: 75/CT-VKSNDTPBN ngày 08/5/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Ninh truy tố Nguyễn Văn D về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn D khai: Bị cáo ở trọ liền sát phòng trọ của anh Nguyễn Văn L tại số 179, đường T, phường T, thành phố B. Do thiếu tiền ăn tiêu và biết anh L không có trong phòng, cửa khóa ngoài nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp tài sản bên trong phòng trọ của anh L. Bị cáo thực hiện 02 lần trộm cắp tài sản của anh Nguyễn Văn L. Lần thứ nhất, khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/02/2020 bị cáo

lấy 01 chiếc cờ lê phá ổ khóa phòng anh L, vào trong phòng thấy 01 chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đỏ đen, không biển kiểm soát, bị cáo lấy trong túi quần bên phải ra 01 chiếc chìa khóa xe mô tô, vặn vào ổ khóa điện chiếc xe vặn theo chiều kim đồng hồ hệ thống điện của xe sáng đèn, bị cáo đi xe máy điện đến khu vực Công ty may V, thuộc phường V, B để chiếc xe ở trên vỉa hè; Lần thứ hai, khoảng 09 giờ ngày 09/02/2020 bị cáo đột nhập vào phòng trọ của anh L trộm cắp hai thùng cat tông bên trong có nhiều túi đeo chéo, túi xách, ba lô, áo khoác trẻ em, váy người lớn. Bị cáo dùng xe mô tô không có biển kiểm soát của bị cáo chở hai thùng cat tông về nhà bị cáo tại khu C, phường C, thành phố C, tỉnh H cất giấu. Sau đó bị cáo bắt xe khách từ H đến ngã 6 đi bộ đến Công ty may V, lấy xe đạp điện đi về nhà bị cáo ở H. Ngày 11/02/2020 bị cáo đến nhà anh Trần Trọng T là hàng xóm vay số tiền 2.000.000đ để chiếc xe máy điện trộm cắp được để làm tin, bị cáo nói với anh T đây là xe của bị cáo, hai ngày sau bị cáo đến nhà anh D vay thêm 500.000đ, toàn bộ số tiền 2.500.000đ bị cáo đã ăn tiêu cá nhân hết, khi để lại chiếc xe máy điện anh T không biết đó là tài sản do bị cáo trộm cắp mà có. Ngày 21/02/2020 mẹ bị cáo là Trần Thị T đã tự nguyện giao nộp toàn bộ số tài sản có trong hai thùng cat tông gồm túi đeo chéo, túi xách, ba lô, ví da, áo trẻ em. Anh Trần Trọng T tự nguyện giao nộp chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đỏ đen không biển kiểm soát cho cơ quan điều tra.

Người bị hại là anh Nguyễn Văn L vắng mặt tại phiên tòa nhưng qua lời khai có trong hồ sơ thể hiện toàn bộ số tài sản bị cáo chiếm đoạt anh đã nhận lại đầy đủ, không yêu cầu bị cáo D phải bồi thường. Về phần thiệt hại hư hỏng chiếc ổ khóa cửa phòng trọ của anh, anh không yêu cầu bị cáo phải bồi thường.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trần Trọng T vắng mặt tại phiên tòa có lời khai trong hồ sơ thể hiện xác nhận bị cáo D vay của anh số tiền 2000.000đ và để lại chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s, không biển kiểm soát làm tin, sau đó bị cáo D đến vay thêm 500.000đ. Tổng là 2.500.000đ bị cáo D chưa trả được cho anh T. Bản thân anh T không biết chiếc xe máy điện D để làm tin vay tiền anh là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi biết sự việc anh T đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy điện cho cơ quan Công an. Anh T yêu cầu D phải trả anh số tiền 2.500.000đ D đã vay của anh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B thực hành quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích nội dung, tính chất của vụ án, một lần nữa khẳng định việc truy tố bị cáo theo tội danh, điều luật cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự; Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D từ 12 tháng đến 15 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 21/02/2020.

Vấn đề trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường nên không xem xét giải quyết.

Buộc bị cáo D phải trả anh Trần Trọng T số tiền 2.500.000đ.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 chìa khóa xe mô tô; 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, bị vỡ phần chốt khóa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da, màu đen, không rõ loại xe, không có biển kiểm soát, không gương, số khung: 207210, số máy: 3014192, xe đã cũ.

Chiếc cờ lê bị cáo D sử dụng để phá cửa phòng trọ nhà anh L, D đã vứt chiếc cờ lê cỡ 17 trên đường đi về nhà D, D không nhớ vị trí cụ thể nên cơ quan điều tra chưa thu hồi được, khi nào thu hồi được xử lý sau.

Bị cáo không tham gia tranh luận gì với quan điểm của Kiểm sát viên. Bị cáo chỉ xin hưởng mức hình phạt thấp nhất.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Văn D tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ đủ cơ sở kết luận: Trong ngày 09/02/2020 tại số nhà 179 đường T, phường T, thành phố B, Nguyễn Văn D đã lén lút 02 lần chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L. Lần thứ nhất, khoảng 05 giờ 30 phút ngày 09/02/2020 D đã dùng cờ lê cạy khóa cửa phòng trọ trộm cắp của anh L chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s màu đỏ đen không biển kiểm soát (xe đã qua sử dụng) trị giá 3.000.000đ, sau khi lấy được D đi xe đạp điện đến để ở vỉa hè gần Công ty may V; Lần thứ hai, khoảng 09 giờ ngày 09/02/2020 D đột nhập vào phòng trọ của anh L trộm cắp túi đeo chéo, túi xách, ba lô nữ, váy người lớn. Trị giá số tài sản trên là 6.855.000đ. D dùng xe mô tô không có biển kiểm soát của D chở hai thùng cat tông về nhà D tại khu C, phường C, thành phố C, tỉnh H cất giấu. Tổng trị giá các tài sản trên là 9.855.000đ. Hành vi phạm tội do một mình bị cáo thực hiện, không ai biết và không ai trợ giúp bị cáo, bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố là đúng người, đúng tội.

Hành vi của bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân trên địa bàn thành phố B. Bị cáo nhận thức

được hành vi của mình là vi phạm pháp luật. Song do bản tính lười lao động, muốn có tiền phục vụ cho nhu cầu của bản thân nên bị cáo đã cố ý thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo thực hiện 02 hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L vào ngày 09/02/2020 nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự “Phạm tội 02 lần trở lên”.

[3] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu, tuy nhiên quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân. Sau khi phạm tội bị cáo đầu thú, có tác động đến gia đình giao nộp lại tài sản đã trộm cắp trả lại cho bị hại để khắc phục hậu quả, tài sản đã thu hồi trả lại cho người bị hại. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Cáo trạng truy tố bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã thực hiện 02 hành vi chiếm đoạt tài sản của anh Nguyễn Văn L vào ngày 09/02/2020 nên bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng là “Phạm tội 02 lần trở lên” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Sau khi xem xét, đánh giá tính chất và mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân của bị cáo và cân nhắc những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đối chiếu với các quy định pháp luật và xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B là có căn cứ, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, biết tuân thủ pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại toàn bộ tài sản do D đã chiếm đoạt cho anh Nguyễn Văn L, anh lượng không có yêu cầu gì khác, do vậy không xem xét.

Số tiền 2.500.000đ bị cáo D vay của anh Trần Trọng T và để lại chiếc xe máy điện nhãn hiệu 133s, không biển kiểm soát làm tin. Anh T không biết đây là tài sản do phạm tội mà có. Sau khi biết sự việc anh Thắng đã tự nguyện giao nộp chiếc xe máy điện cho cơ quan Công an. Nay anh T yêu cầu D phải trả anh số tiền 2.500.000đ Đã vay của anh. Yêu cầu của anh T là có căn cứ cần buộc bị cáo D phải trả anh Thắng số tiền 2.500.000đ.

[6] Về vật chứng: 01 chìa khóa xe mô tô; 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, bị vỡ phần chốt khóa không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da, màu đen, không rõ loại xe, không có biển kiểm soát, không gương, số khung: 207210, số máy: 3014192, xe đã cũ. Đây là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước

Chiếc cờ lê D sử dụng để phá cửa phòng trọ nhà anh L, D đã vứt chiếc cờ lê cỡ 17 trên đường đi về nhà D, D không nhớ vị trí cụ thể nên cơ quan điều tra chưa thu hồi được, khi nào thu hồi được xử lý sau.

Bà Trần Thị T là mẹ đẻ của bị cáo D, khi D đem 02 thùng cát tông bên trong có nhiều loại túi xách, túi đeo chéo, túi xách, ba lô nữ, váy người lớn về nhà, bà Toàn không biết đó là tài sản do D trộm cắp được mà có nên cơ quan điều tra không xử lý gì đối với bà T là phù hợp.

Đối với Trần Trọng T khi D hỏi vay tiền và để lại chiếc xe lại làm tin thì anh T không biết đó là xe máy điện do D trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra không xử lý đối với anh Thắng là phù hợp.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

## QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn D phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1, Điều 173; Điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 47; Điều 38 Bộ luật hình sự; Điều 106; Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn D 15 (Mười lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/02/2020. Tạm giam bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

Buộc bị cáo D phải trả anh Trần Trọng T số tiền 2.500.000đ (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Tịch thu tiêu hủy 01 chìa khóa xe mô tô; 01 ổ khóa hiệu Việt Tiệp đã qua sử dụng, bị vỡ phần chốt khóa.

Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Hon da màu đen, không rõ loại xe, không có biển kiểm soát, không gương, số khung: 207210, số máy: 3014192, xe đã cũ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án xử vắng mặt.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh B;
- VKSND thành phố B;
- CCTHADS thành phố B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

*Nguyễn Thị Thu Hồng*